

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG
LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
3.1 Bảng cân đối kế toán	5-8
3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
3.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
3.4 Thuyết minh Báo cáo tài chính	12-31

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 19 tháng 03 năm 2008 và đã trải qua các lần thay đổi sau:

<u>Thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</u>	<u>Số Giấy chứng nhận</u>	<u>Ngày</u>
Điều chỉnh lần thứ 1	4200742214	29/12/2009
Điều chỉnh lần thứ 2	4200742214	20/05/2011

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất là 15.000.000.000 đồng, được chia thành 1.500.000 cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng.

Hiện nay cổ phiếu của Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C5,6,7,8 Khu công nghiệp Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: (0258) 6256 699

Fax: (0258) 6251 235

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 5 đến trang 31).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Quang Tiến	Chủ tịch	01/10/2014	
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Thành viên	18/04/2013	
Ông Lê Duy Cừu	Thành viên	18/04/2013	
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Thanh Gân Em	Trưởng ban	18/04/2013	
Bà Phan Thị Thanh Lý	Ủy viên	18/04/2013	
Bà Phan Thị Vân Hà	Ủy viên	18/04/2013	
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải	Giám đốc	20/04/2016	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Giám đốc	22/04/2016	
Ông Võ Trị	Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	15/05/2017	

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Phước Vĩnh Khải - Giám đốc.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, FAC bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phán ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



NGUYỄN PHƯỚC VĨNH KHẢI

Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Số: 004/2018/BCTC-FACNT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa (“Công ty”), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2018, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC CHI NHÁNH NHÀ TRANG



Nguyễn Thịnh

Giám đốc

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0473-2018-099-1*

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Lê Duy

Kiểm toán viên

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2138-2018-099-1*



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.574.538.299	24.633.472.076
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.285.387.601	13.634.295.840
1. Tiền	111		5.285.387.601	13.634.295.840
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.321.325.344	4.906.972.623
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	13.331.557.153	7.963.904.140
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	96.832.840	526.075.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	234.350.741	77.316.114
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(3.341.415.390)	(3.660.322.631)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		4.756.217.998	5.869.380.735
1. Hàng tồn kho	141	V.6	4.756.217.998	5.869.380.735
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.211.607.356	222.822.878
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	549.602.309	176.367.673
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8	1.662.005.047	46.455.205
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.153.455.938	18.244.544.572
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		18.338.000	18.338.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.9	18.338.000	18.338.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		18.917.376.604	18.014.549.367
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	16.278.289.286	15.311.869.585
<i>Nguyên giá</i>	222		44.253.162.479	40.227.716.836
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(27.974.873.193)	(24.915.847.251)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.639.087.318	2.702.679.782
<i>Nguyên giá</i>	228		3.309.623.271	3.309.623.271
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(670.535.953)	(606.943.489)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		217.741.334	211.657.205
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	217.741.334	211.657.205
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.727.994.237	42.878.016.648

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.952.870.025	12.793.136.533
I. Nợ ngắn hạn	310		12.952.870.025	11.746.983.001
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.919.506.265	3.035.355.612
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.114.560.266	5.756.871.151
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	307.773.236	590.306.253
4. Phải trả người lao động	314		2.539.812.415	2.029.038.966
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	2.443.833.699	107.772.311
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	2.474.670.436	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	152.713.708	227.638.708
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1.046.153.532
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	1.046.153.532
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.775.124.212	30.084.880.115
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	30.775.124.212	30.084.880.115
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.184.880.115	9.170.969.377
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.590.244.097	5.913.910.738
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.590.244.097	5.913.910.738
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.727.994.237	42.878.016.648

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2018


Nguyễn Thị Tuyết Loan
 Người lập biểu


Võ Trị
 Kế toán trưởng


Nguyễn Phước Vĩnh Khải
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.684.776.433	80.649.725.197
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	7.777.273	46.983.068
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.676.999.160	80.602.742.129
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	67.812.507.896	62.364.463.212
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.864.491.264	18.238.278.917
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	117.154.774	51.500.935
7. Chi phí tài chính	22		55.754.502	40.585.344
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		55.754.502	40.585.344
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.172.093.216	5.655.541.389
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.316.718.300	2.996.626.251
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.437.080.020	9.597.026.868
11. Thu nhập khác	31		117.866.950	-
12. Chi phí khác	32		2.200.148	694.572
13. Lợi nhuận khác	40		115.666.802	(694.572)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.552.746.822	9.596.332.296
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.112.502.725	1.982.421.558
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		4.440.244.097	7.613.910.738
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	2.893	4.009

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2018

Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu

Võ Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.552.746.822	9.596.332.296
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10, 11	3.122.618.406	3.453.293.699
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(318.907.241)	520.709.208
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(117.154.774)	(51.500.935)
- Chi phí lãi vay	06		55.754.502	40.585.344
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.295.057.715	13.559.419.612
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.710.995.322)	(1.955.379.287)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.113.162.737	2.240.960.680
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.539.557.690)	2.828.279.708
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(379.318.765)	211.896.758
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55.754.502)	(40.585.344)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(1.683.090.670)	(2.257.719.755)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.574.925.000)	(1.154.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.535.421.497)	13.432.072.372
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.905.311.952)	(873.061.860)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		117.154.774	51.500.935
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.788.157.178)	(821.560.925)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu B 03 – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		6.919.448.044	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(4.444.777.608)	(1.814.996.730)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.500.000.000)	(4.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài	40		974.670.436	(6.314.996.730)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.348.908.239)	6.295.514.717
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.634.295.840	7.338.781.123
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		7.285.387.601	13.634.295.840

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu



Võ Trị
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khải
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm bê tông công nghiệp; Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí; Xây lắp công nghiệp; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

2. Các khoản phải thu

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25 năm
- Máy móc và thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 10 năm

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản vô hình khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá Quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Quỹ lương

Quỹ lương được trích lập theo Nghị quyết số 47/2017/NQ-HĐQT- KCE ngày 13/12/2017 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa. Theo đó:

- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm bê tông ly tâm sản xuất là 185 đồng/1.000 đồng doanh thu sản phẩm bê tông (không bao gồm doanh thu vận chuyển, tăng 15 đồng so với đơn giá tiền lương năm 2016).
- Đơn giá tiền lương đối với doanh thu bán vật liệu năm 2017 là 185 đồng/1.000 đồng doanh thu.
 - Đơn giá tiền lương đối với doanh thu xuất cọc năm 2017 là 185 đồng/1.000 đồng doanh thu (chưa có vận chuyển).
- Đơn giá tiền lương đối với hoạt động doanh thu thương mại 30 đồng/ 1.000 đ doanh thu.
- Đơn giá tiền lương đối với doanh thu vận chuyển năm 2017 là 185 đồng/1.000 đồng doanh thu.
- Đơn giá tiền lương hoạt động dịch vụ (gồm vận chuyển cọc và ép cọc công trình) năm 2017 là: 10 đồng/ 1.000 đồng doanh thu.
- Đơn giá tiền lương đối với sản phẩm gia công cơ khí và xây lắp, quỹ lương được trích theo tiền nhân công của quyết toán sản phẩm hoặc công trình.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

Công ty trích lập các Quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.
- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.
- Tiền lãi được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

11. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ báo cáo. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính được điều chỉnh giảm doanh thu vào kỳ phát sinh khoản giảm trừ doanh thu.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho, dự phòng giảm giá và tổn thất hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan với Công ty được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt	23.770.151	13.669.496
Tiền gửi ngân hàng	7.261.617.450	13.620.626.344
Cộng	<u>7.285.387.601</u>	<u>13.634.295.840</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
<i>Phải thu của khách hàng</i>	<i>12.846.556.147</i>	<i>7.733.004.153</i>
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	-	619.136.760
Công ty TNHH Cơ Nhiệt Điện Lạnh Bách Khoa	-	909.052.664
CN Cty CP PNN và Đô Thị Hud Nha Trang-XN1	1.355.068.621	-
Công ty CP Đầu tư VCN	1.321.493.236	-
Công ty TNHH ĐT PT Nhà Thái Xuân	1.864.840.000	-
Công ty TNHH SX - TM - XNK Đại Hưng Phát	1.435.121.603	1.535.121.603
Các đối tượng khác	6.870.032.687	4.669.693.126
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>485.001.006</i>	<i>230.899.987</i>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	485.001.006	230.899.987
Cộng	<u>13.331.557.153</u>	<u>7.963.904.140</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Công ty TNHH TM-DV-XD-Cơ khí Thiết bị nâng Anh Tuấn	-	506.000.000
Công ty CP Chứng nhận VIETCERT	34.650.000	-
Các đối tượng khác	62.182.840	20.075.000
Cộng	<u>96.832.840</u>	<u>526.075.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu thuế TNCN	154.906.450	-	13.061.414	-
Tạm ứng	15.000.000	-	63.550.000	-
Các khoản khác	64.444.291	-	704.700	-
Cộng	<u>234.350.741</u>	<u>-</u>	<u>77.316.114</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

5. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu của khách hàng				
Công ty TNHH Xây dựng Thịnh Hoàng	619.136.760	-	619.136.760	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 3	409.658.812	-	409.658.812	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD 1.02	553.178.470	-	553.178.470	-
Các khách hàng khác	1.891.274.488	222.951.565	2.443.314.866	364.966.277
Cộng	3.473.248.530	222.951.565	4.025.288.908	364.966.277

Nợ xấu của Công ty bao gồm các khoản phải thu thương mại của khách hàng đã quá hạn thanh toán.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.232.283.175	-	1.677.067.474	-
Công cụ dụng cụ	85.800.909	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	105.101.057	-	32.744.930	-
Thành phẩm	2.019.085.766	-	3.648.089.657	-
Hàng hóa	313.947.091	-	511.478.674	-
Cộng	4.756.217.998	-	5.869.380.735	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	8.654.548	15.043.907
Chi phí thuê Văn phòng và chi phí sửa chữa	540.947.761	161.323.766
Cộng	549.602.309	176.367.673

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2017	01/01/2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	617.043.150	46.455.205
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	3.218.481	-
Khoản thuế khác	1.041.743.416	-
Cộng	1.662.005.047	46.455.205

9. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ thuế	18.338.000	-	18.338.000	-
Văn phòng				
Cộng	18.338.000	-	18.338.000	-

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Tại 01/01/2017	13.814.529.234	20.559.759.902	5.853.427.700	40.227.716.836
Đầu tư hoàn thành	713.630.075	3.311.815.568	-	4.025.445.643
Tại 31/12/2017	14.528.159.309	23.871.575.470	5.853.427.700	44.253.162.479
Hao mòn lũy kế				
Tại 01/01/2017	4.690.384.445	15.465.974.180	4.759.488.626	24.915.847.251
Khấu hao trong năm	658.902.077	1.933.557.148	466.566.717	3.059.025.942
Tại 31/12/2017	5.349.286.522	17.399.531.328	5.226.055.343	27.974.873.193
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2017	9.124.144.789	5.093.785.722	1.093.939.074	15.311.869.585
Tại 31/12/2017	9.178.872.787	6.472.044.142	627.372.357	16.278.289.286

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 8.941.611.296 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 17.560.920.454 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Bản quyền, sáng chế	Cộng
Nguyên giá			
Tại 01/01/2017	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại 31/12/2017	3.179.623.271	130.000.000	3.309.623.271
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại 01/01/2017	476.943.489	130.000.000	606.943.489
Khấu hao trong năm	63.592.464	-	63.592.464
Giảm khác	-	-	-
Tại 31/12/2017	540.535.953	130.000.000	670.535.953
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2017	2.702.679.782	-	2.702.679.782
Tại 31/12/2017	2.639.087.318	-	2.639.087.318

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay là: 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 130.000.000 đồng.

(*): Là Quyền sử dụng đất tại lô C5,C6,C7,C8 khu Công nghiệp vừa và nhỏ Đắc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 387321 do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 16 tháng 02 năm 2009. Thời hạn thuê đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2058, diện tích 19.190,9 m².

12. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	11.341.666	114.914.700
Chi phí khác và chi phí sửa chữa	206.399.668	96.742.505
Cộng	217.741.334	211.657.205

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công Ty CP Đầu Tư và KD VLXD Fico	334.746.940	397.560.020
Công ty CP kỹ Thuật Nền Móng	1.446.446.000	337.126.200
Công ty CP XD - TM và DV Thăng Long	604.033.200	504.429.100
Công ty TNHH MTV Chánh Hằng	74.250.500	331.664.345
Các đối tượng khác	1.460.029.625	1.464.575.947
Cộng	3.919.506.265	3.035.355.612

Công ty không có số dư nợ với các bên liên quan và không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Cty CP Đầu Tư VCN	-	1.679.672.213
Công Ty TNHH Đầu Tư Nhà An Khánh	-	1.723.807.461
Công Ty CP Đầu Tư XD TM DV Nhất Tâm	-	1.300.000.000
Công Ty CP Ô Tô Trường Hải	651.953.800	-
Công Ty CP Đầu Tư và XD HUD 1	202.470.107	-
Các đối tượng khác	260.136.359	1.053.391.477
Cộng	<u>1.114.560.266</u>	<u>5.756.871.151</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau.:

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Phải nộp trong năm</i>	<i>Đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế Giá trị gia tăng	487.676.435	8.068.478.547	(8.248.381.746)	307.773.236
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	(46.455.205)	1.112.502.725	(1.683.090.670)	(617.043.150)
Thuế Thu nhập cá nhân (*)	102.629.818	275.893.198	(381.741.497)	(3.218.481)
Các loại thuế khác (*)	-	3.000.000	(1.044.743.416)	(1.041.743.416)
Cộng	<u>543.851.048</u>	<u>9.459.874.470</u>	<u>(11.357.957.329)</u>	<u>(1.354.231.811)</u>

(*): Số cuối năm bên Nợ của khoản này trình bày tại Thuyết minh V.8

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.15 và thuyết minh VI.7.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Việc xác định nghĩa vụ thuế các loại phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Số thuế phải nộp theo quyết toán thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Kinh phí công đoàn	9.820.888	26.426.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.434.012.811	81.346.311
Trong đó:		
- Cổ tức phải trả		
+ Cty CP Điện Lực Khánh hòa	232.500.000	-
+ Cty CP Bê Tông Ly Tâm An Giang	195.000.000	-
+ Nhóm cổ đông khác	322.500.000	-
- Tiền hoa hồng bán hàng	986.577.123	79.975.000
- Khoản khác	697.435.688	1.371.311
Cộng	<u>2.443.833.699</u>	<u>107.772.311</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Vay trong năm</u>	<u>Trả nợ vay trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP				
Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Khánh Hòa	-	6.919.448.044	(4.444.777.608)	2.474.670.436
Cộng	-	<u>6.919.448.044</u>	<u>(4.444.777.608)</u>	<u>2.474.670.436</u>

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/2525898/HĐTD ngày 15 tháng 06 năm 2017 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể theo từng lần nhận nợ. Hạn mức tín dụng là 15 tỷ đồng, trong đó hạn mức cho vay là 7 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh là 8 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng các biện pháp sau:

- Thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2013/HĐTC ngày 01/07/2013.
- Thế chấp toàn bộ Máy móc thiết bị thuộc Nhà máy bê tông ly tâm ứng trước lực Khánh Hòa tại Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Vĩnh Phương, Nha Trang, Khánh Hòa thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2013/HĐTC ngày 01/07/2013.
- Thế chấp, cầm cố các tài sản khác của Bên vay/ Bên thứ ba (nếu có) và các biện pháp bảo đảm bổ sung, thay thế.
- Thế chấp toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND, và ngoại tệ của Bên được cấp tín dụng tại Ngân hàng và tại các Tổ chức tín dụng khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	Năm 2017	Năm 2016
Số dư tại ngày 01/01	227.638.708	282.438.708
Trích từ lợi nhuận sau thuế	1.500.000.000	1.100.000.000
Chi khen thưởng, phúc lợi	(1.574.925.000)	(1.154.800.000)
Số dư tại ngày 31/12	152.713.708	227.638.708

19. Phải trả dài hạn khác

	Năm 2017	Năm 2016
Phải trả tiền Đầu tư Cơ sở hạ tầng KCN Đắc Lộc	-	1.046.153.532
Cộng	-	1.046.153.532

20. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2016	15.000.000.000	-	8.349.871.003	4.721.098.374	28.070.969.377
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	7.613.910.738	7.613.910.738
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	821.098.374	(821.098.374)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	15.000.000.000	-	9.170.969.377	5.913.910.738	30.084.880.115
Tại ngày 01/01/2016	15.000.000.000	-	9.170.969.377	5.913.910.738	30.084.880.115
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	4.440.244.097	4.440.244.097
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	(2.250.000.000)	(2.250.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.013.910.738	(4.013.910.738)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	15.000.000.000	-	13.184.880.115	2.590.244.097	30.775.124.212

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu.

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số tiền (VND)	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	Tỷ lệ
Cổ đông				
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	4.650.000.000	31%	4.650.000.000	31%
Công ty Cổ phần Bê Tông Ly Tâm An Giang	3.900.000.000	26%	3.900.000.000	26%
Các cổ đông khác	6.450.000.000	43%	6.450.000.000	43%
Cộng	15.000.000.000	100%	15.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức đã công bố	2.250.000.000	3.000.000.000
Cổ tức đã chi trả	1.500.000.000	1.500.000.000

Trong năm, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2016 cho các cổ đông với số tiền 1.500.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 23/2017/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 13/06/2017 của Hội đồng quản trị Công ty. Ngoài ra, Công ty đã phê duyệt việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 cho các cổ đông vào tháng 01/2018 với số tiền 750.000.000 VND theo Nghị quyết số 45/2017/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 07/12/2017 của Hội đồng quản trị Công ty.

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra Công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Quỹ đầu tư và phát triển	13.184.880.115	9.170.969.377
Cộng	<u>13.184.880.115</u>	<u>9.170.969.377</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Doanh thu bán hàng hóa	3.374.997.186	3.955.917.758
Doanh thu bán thành phẩm bê tông ly tâm	51.346.322.620	45.832.638.644
Doanh thu nguyên vật liệu phụ	118.119.027	195.413.340
Doanh thu cung cấp cọc và hoạt động dịch vụ ép cọc	25.845.337.600	30.665.755.455
Cộng	<u>80.684.776.433</u>	<u>80.649.725.197</u>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	3.683.638.855	5.783.481.807
Cộng	<u>3.683.638.855</u>	<u>5.783.481.807</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Giảm giá hàng bán	-	46.983.068
Hàng bán bị trả lại	7.777.273	-
Cộng	<u>7.777.273</u>	<u>46.983.068</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.828.449.583	3.453.596.584
Giá vốn của thành phẩm bê tông ly tâm đã bán	40.111.859.692	34.174.227.975
Giá vốn nguyên vật liệu phụ	56.609.371	98.354.376
Giá vốn cung cấp cọc và hoạt động dịch vụ ép cọc	24.815.589.250	24.638.284.277
Cộng	<u>67.812.507.896</u>	<u>62.364.463.212</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	117.154.774	51.500.935
Cộng	117.154.774	51.500.935

5. Chi phí bán hàng

Chủ yếu là chi phí vận chuyển và hoa hồng bán hàng. Chi tiết theo khoản mục chi phí như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.436.859.064	3.042.886.561
Chi phí bằng tiền khác	1.735.234.152	2.612.654.828
Cộng	5.172.093.216	5.655.541.389

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.273.938.705	1.296.993.219
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	40.312.123	37.363.258
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.488.732	58.488.732
Thuế, phí và lệ phí	135.362.499	40.931.028
Chi phí dự phòng	(318.907.241)	520.709.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.963.533	131.322.768
Chi phí khác bằng tiền	984.559.949	910.818.038
Cộng	2.316.718.300	2.996.626.251

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được dự tính như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.552.746.822	9.596.332.296
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	130.955.148	470.153.494
- Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	120.000.000	90.000.000
- Chi phí dự phòng không hợp lý	-	271.053.494
- Chi phí không hợp lý khác	10.955.148	109.100.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.683.701.970	10.066.485.790
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp tính theo thuế suất phổ thông	1.136.740.394	2.013.297.158
Điều chỉnh tăng chi phí dự phòng năm trước	(24.237.669)	(30.875.600)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.112.502.725	1.982.421.558

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.440.244.097	7.613.910.738
Trừ quỹ khen thưởng phúc lợi	(100.000.000)	(1.600.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.340.244.097	6.013.910.738
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	1.500.000	1.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.893	4.009

(*): Số năm trước đã được điều chỉnh so với Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán do trong năm 2017 Công ty trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết số 14/2017/NQ-KCE-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông. Số quỹ khen thưởng phúc lợi trích lập bổ sung là 1.400.000.000 đồng, làm Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ 4.943 đồng/Cổ phiếu xuống còn 4.009 đồng/Cổ phiếu.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.780.095.956	40.971.740.889
Chi phí nhân công	13.645.978.563	13.867.108.070
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.122.618.406	3.453.293.699
Chi phí dự phòng	(318.907.241)	520.709.208
Chi phí sử dụng máy thi công	24.827.565.064	8.152.603.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.147.425.325	6.934.900.502
Các chi phí khác bằng tiền	4.537.125.298	5.732.803.675
Cộng	81.741.901.371	79.633.159.352

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 31%)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm An Giang	Công ty liên kết (tỷ lệ vốn góp là 26%)
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên gia đình của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Thành viên gia đình của người quản lý chủ chốt

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa		
Bán hàng	4.052.002.745	6.361.830.006
Thu tiền hàng	3.797.901.726	6.979.262.004
Mua hàng	51.268.000	51.268.000
Thanh toán tiền hàng	51.268.000	51.268.000
Trả cổ tức	465.000.000	1.395.000.000
Phải trả cổ tức	232.500.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm An Giang		
Mua hàng	2.607.352.000	1.031.360.000
Thanh toán tiền hàng	2.607.352.000	1.031.360.000
Trả cổ tức	390.000.000	1.170.000.000
Phải trả cổ tức	195.000.000	-

Bên liên quan/Nội dung giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng		
Tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy chế	1.911.515.891	1.634.320.563

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
Phải thu tiền bán hàng cho Công ty CP Điện lực Khánh Hòa	485.001.006	230.899.987

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác phát sinh trực tiếp từ hoạt động kinh doanh. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ phải thu, nợ phải trả và tiền gửi ngân hàng.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền gửi ngân hàng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (chủ yếu đối với tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

244
ÔNG
KIẾP
FA
I NE
A T
ING

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán	3.035.355.612	-	-	3.035.355.612
Các khoản phải trả khác	107.772.311	1.046.153.532	-	1.153.925.843
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-	-
	3.143.127.923	1.046.153.532	-	4.189.281.455
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán	3.919.506.265	-	-	3.919.506.265
Các khoản phải trả khác	2.443.833.699	-	-	2.443.833.699
Vay và nợ thuê tài chính	2.474.670.436	-	-	2.474.670.436
	8.838.010.400	-	-	8.838.010.400

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không lớn. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn và từ các nguồn vốn huy động khác.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty:

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)				Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2017		01/01/2017		31/12/2017	01/01/2017
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.285.388	-	13.634.296	-	7.285.388	13.634.296
Phải thu khách hàng	13.331.557	(3.341.415)	7.963.904	(3.660.323)	9.990.141	4.303.583
Phải thu khác	234.351	-	77.316	-	234.351	77.316
Cộng	20.851.295	(3.341.415)	21.675.516	(3.660.323)	17.509.880	18.015.193

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM ĐIỆN LỰC KHÁNH HÒA

Lô C5,6,7,8 KCN Đắc Lộc, Xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B09-DN

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ (1.000 VND)		Giá trị hợp lý (1.000 VND)	
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017
Phải trả người bán	3.919.506	3.035.356	3.919.506	3.035.356
Các khoản phải trả khác	2.443.834	1.153.926	2.443.834	1.153.926
Vay và nợ thuê tài chính	2.474.670	-	2.474.670	-
Cộng	8.838.010	4.189.281	8.838.010	4.189.281

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

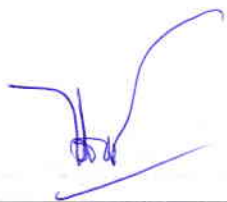
Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản vay ngân hàng mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Thị Tuyết Loan
Người lập biểu



Võ Trí
Kế toán trưởng



Nguyễn Phước Vĩnh Khai
Giám đốc